TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Cương.

2. Ông Quàng Văn Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bùi Quang Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lường Thị C, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Bản N, xã Y, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Lường Văn B, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Bản N, xã Y, huyện S, tỉnh Sơn La. Hiên nay đang chấp hành án tại Đội 15, phân trại số 02, trại giam T, Cục C10, Bộ Công an. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn ngày 18/5/2024 và bản tự khai ngày 27/5/2024 nguyên đơn chị Lường Thị C trình bày:

Chị và anh Lường Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Sơn La vào ngày 10/8/2015. Sau khi kết hôn anh, chị chuyển về sinh sống tại bản N, xã Y, huyện S và chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Sau đó anh B vi phạm pháp luật về ma túy và phải đi chấp

hành án phạt tù. Nay chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không tồn tại, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh B được nữa nên chị đề nghị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Lường Thị A - sinh ngày 04/8/2012 và Lường Thị D - sinh ngày 09/01/2017. Nếu ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành ủy thác tống đạt thông báo thụ lý vụ án và lấy lời khai của anh Lường Văn B về nội dung đơn khởi kiện của chị C. Tại bản tự khai đề ngày 22/7/2024 anh B có ý kiến như sau: Việc anh và chị C chung sống tự nguyện, có cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Sơn La như chị C đã khai là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cũng không có mâu thuẫn gì, đến ngày 12/4/2023 thì anh bị bắt và xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh đang phải đi chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm - Bộ Công an. Chị Lường Thị C có nguyện vọng xin ly hôn với anh thì anh không nhất trí vì vẫn còn tình cảm. Anh B thừa nhận anh và chị C có 02 con chung là Lường Thị A - sinh ngày 04/8/2012 và Lường Thị D - sinh ngày 09/01/2017, hiện nay cả hai con đang sinh sống cùng chị C. Về tài sản chung và nợ chung: không kê khai, đề nghị Tòa án giải quyết.

Cũng tại bản tự khai này anh B thừa nhận không thể có mặt tại Tòa án để thực hiện việc các thủ tục tố tụng dân sự như: tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không thể tham gia phiên tòa xét xử được nhưng anh B đề nghị chờ anh chấp hành án xong trở về thì mới mở phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Chị C đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B tuy không viết đơn xin xét xử vắng mặt nhưng cũng thừa nhận không thể có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với anh B, chị C là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị C.

Xử cho chị Lường Thị C được ly hôn với anh Lường Văn B.

Giao con chung là Lường Thị A - sinh ngày 04/8/2012 và Lường Thị D - sinh ngày 09/01/2017 cho chị Lường Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lường Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị C.

Cả chị C và anh B đều khai không có nợ chung, tài sản chung nên không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy, không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Chị Lường Thị C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét trầm tra tại phiên tòa, ý kiếm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con của chị Lường Thị C đối với anh Lường Văn B cư trú tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La được Tòa án nhân dân huyện Sông Mã thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Sau khi chị C có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Chị C đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối với vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Đối với anh B sau khi nhận được thông báo thụ lý đã có ý kiến bằng văn bản về việc xin ly hôn của chị C, tuy anh B không viết đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị chờ anh chấp hành án xong trở về địa phương mới tiến hành giải quyết là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, anh B đã được thực hiện quyền cho ý kiến của mình về nội dung khởi kiện và cũng hoàn toàn thừa nhận đang đi chấp hành án nên không thể có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa được, việc không viết đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị chờ anh chấp hành án xong mới xét xử là đang gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết đối với vụ án. Nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị C và anh Lường Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Sơn La vào ngày 10/8/2015 là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 xác định việc kết hôn là đúng theo các quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật B vệ.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống chị C và anh B chung sống thì cuộc sống cũng không đem lại hạnh phúc cho chị C, những mâu thuẫn trong cuộc sống chung luôn phát sinh và hơn nữa anh B lại

thực hiện vi phạm pháp luật về tội phạm ma túy và bị truy cứu trách nhiệm hình sự phải chấp hành án phạt tù. Tuy anh B có không đồng ý ly hôn, nhưng việc anh B chấp hành án phạt tù khiến cho cuộc sống chung của vợ chồng không thể diễn ra, không thể cùng chị C vun đắp, xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc được và chị C cương quyết xin được ly hôn với anh B.

Xét mâu thuẫn gia đình là trầm trọng, cuộc sống chung không thể diễn ra, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị C được ly hôn với anh B là có căn cứ và phù hợp với các quy định tại Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, tạo điều kiện cho chị C có cơ hội được xây dựng cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị C và anh B đều thừa nhận có 02 con chung là Lường Thị A - sinh ngày 04/8/2012 và Lường Thị D - sinh ngày 09/01/2017, chị C có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con cùng. HĐXX thấy rằng các con chung vẫ luôn cdo chị C chăm sóc và nuôi dưỡng, anh B đang phải đi chấp hành án phạt tù trong một thời gian dài, không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Vì vậy, để đảm B mọi quyền lợi cho con chung, để trẻ nhỏ có thể phát triển tốt nhất cần giao các con chung cho chị C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C. Điều này là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và nguyện vọng của con chung. Anh B vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh B khai nhận không có nợ chung, tài sản chung nên không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi nào có nảy sinh tranh chấp mà các đương sự có yêu cầu sẽ được Tòa án giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị C là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin được miễn án phí được Tòa án chấp nhận, nên được miễn án phí theo quy định chung.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị C đối với anh Lường Văn B.

Xử cho chị Lường Thị C được ly hôn anh Lường Văn B.

Giao các con chung là Lường Thị A - sinh ngày 04/8/2012 và Lường Thị D - sinh ngày 09/01/2017 cho chị Lường Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật.

Anh Lường Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lường Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện S, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Nhung

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Văn Cương **Quàng Văn Biên** **Hoàng Thị Nhung**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 8 năm 2024.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Cương; Ông Quàng Văn Biên.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc xin ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lường Thị C, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Bản N, xã Y, huyện S, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: Anh Lường Văn B, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Bản N, xã Y, huyện S, tỉnh Sơn La

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. Về quan hệ pháp luật**:** Xin ly hôn; Kết quả biểu quyết: 3/3.

II. Về Điều luật áp dụng**:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, các Điều 228 , 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kết quả biểu quyết: 3/3.

1. Xử cho Lường Thị C được ly hôn với anh Lường Văn B; Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về con chung: Giao các con chung là Lường Thị A, sinh ngày 04/8/2012 và Lường Thị D, sinh ngày 09/01/2017 cho chị Lường Thị C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Anh Lường Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lường Thị C, anh Lường Văn B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở. Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Kết quả biểu quyết 3/3

4. Về nợ chung: Không có. Kết quả biểu quyết 3/3

5.Về án phí: Chị Lường Thị C là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp án phí xin ly hôn. Kết quả biểu quyết 3/3

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 40 phút, ngày 30 tháng 8 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Cương **Quàng Văn Biên** **Hoàng Thị Nhung**